

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án thành phần số 1: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Hưng Yên thuộc dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Luật của Quốc hội; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021; số 4766/QĐ-BNN-KH ngày 08/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống Bắc Hưng Hải - Giai đoạn 2;

Căn cứ văn bản số 83/STNMT - QLMT ngày 13/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên hướng dẫn thực hiện thủ tục bảo vệ môi trường đối với dự án thành phần 1: Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải tại Tờ trình số 66/TTr-BHH-QLDA ngày 15/02/2023 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần số 1: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Hưng Yên thuộc Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2 kèm theo hồ sơ dự án, Báo cáo kết quả thẩm tra số

20/BCTT-KĐCT ngày 14/02/2023 của Trung tâm chính sách và kỹ thuật thủy lợi và các văn bản pháp lý có liên quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm theo Báo cáo thẩm định số 145/BC-TL-ĐTXD ngày 16/3/2023 của Cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 1: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Hưng Yên thuộc dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần số 1: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Hưng Yên.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ

Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số công trình để cùng với các công trình hiện có trong hệ thống chủ động cấp tưới cho khoảng 110.000 ha và tiêu thoát nước cho khoảng 192.045 ha đất canh tác, cải thiện môi trường nước cho hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải.

5. Quy mô đầu tư

5.1. Cấp công trình:

+ Gia cố bờ hữu cửa ngoài cống Xuân Quan: Cấp II.

+ Hệ thống kênh chính:

Kè bờ kênh Báo Đáp - Kênh Cầu: Cấp II.

Nạo vét kênh Kim Sơn: Cấp II.

+ Kênh nội đồng:

Kênh Dâu Đình Dù: Cấp III.

Kênh và cống Đồng Than: Cấp III.

5.2. Chỉ tiêu thiết kế:

TT	Chỉ tiêu thiết kế	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Công trình cấp II		
1.1	Tần suất thiết kế	%	1,0
1.2	Tần suất kiểm tra	%	0,2

TT	Chỉ tiêu thiết kế	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1.3	Tần suất dẫn dòng thi công	%	10
2	Công trình cấp III		
2.1	Tần suất thiết kế	%	1,5
2.2	Tần suất kiểm tra	%	0,5
2.3	Tần suất dẫn dòng thi công	%	10
3	Mức đảm bảo tưới	%	85

5.3. Quy mô, thông số và giải pháp kỹ thuật:

5.3.1. Gia cố bờ hữu cửa ngoài cống Xuân Quan:

a) Quy mô, thông số:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài kè	m	1.397
2	Cao trình đáy kênh	m	-1,15
3	Cao trình chân mái kè	m	+2,3
4	Bề rộng chân kè tại cao trình +2,3	m	3,1
5	Chiều dài cọc cừ DU'L SW400A đoạn cửa sông Hồng dài 650m	m	16,0
6	Chiều dài cọc cừ DU'L SW400A đoạn cửa cống Xuân Quan dài 747m	m	14,0
7	Chiều dài cọc neo 35x35cm	m	11,0
8	Khoảng cách giữa các cọc neo	m	10,0
9	Cao trình cơ kè	m	+6,0
10	Bề rộng cơ kè tại cao trình +6,0	m	4,3
11	Cao trình đỉnh	m	+9,0
12	Bề rộng đường quản lý vận hành tại cao trình +9,0	m	4,0
13	Hệ số mái kè		3,0

b) Giải pháp kỹ thuật:

Vị trí xây dựng: Tại bờ hữu kênh cửa ngoài cống Xuân Quan từ sông Hồng đến cống Xuân Quan với chiều dài tuyến kè gia cố là $L=1.397,0m$.

Giải pháp gia cố:

- Chân kè: Sử dụng cừ bê tông dự ứng lực, đoạn kênh phía cửa sông Hồng dài 650m sử dụng cừ SW400A dài 16m; đoạn kênh phía cống Xuân Quan dài 797m sử dụng cừ SW400A dài 14m; trên toàn bộ tuyến kè có bố trí hàng cọc neo BTCT M300 kích thước (0,35x0,35x11)m, mật độ bố trí 10m/cọc và 30m/1 đơn nguyên, liên kết giữa các cọc neo bằng dầm BTCT M300 kích thước (0,35 x

0,35)m. Liên kết giữa các cọc neo và dầm mũ cừ bằng dầm BTCT M300 có kích thước (0,35 x 0,5x 9)m.

- Mái kè:

+ Từ cao trình +2,3m đến cao trình +6,0m (cơ kè), hệ số mái $m=3,0$, gia cố bằng đá lát khan trong khung dầm BTCT M200 dày 30cm, dưới lớp đá lát khan là lớp dầm lọc dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Từ cao trình +6,0m (cơ kè) đến đỉnh kè +9,0m: hệ số mái kè $m=3,0$ m, kết cấu mái trồng cỏ trong các khung vây BTCT M200.

- Cơ kè tại cao trình +2,3m rộng 3,1m gồm:

+ Dầm khóa đỉnh cọc cừ bê tông dự ứng lực rộng 1,1m, kết cấu dầm BTCT M300.

+ Chiều rộng 2m (còn lại): Kết cấu bằng bê tông M200 đổ tại chỗ dày 18cm trên lớp cấp phối đá dăm dày 10cm, cách 5m bố trí một khe co dãn.

- Cơ kè tại cao trình +6,0m: Rộng 4,3m (bao gồm phần rãnh thoát nước, dầm đỉnh kè từ cao trình +2,3m đến cao trình +6,0m và dầm chân kè từ cao trình +6,0 đến cao trình +9,0m). Phần còn lại của cơ kè rộng 3,15m có kết cấu BT M200 dày 18cm đổ tại chỗ trên lớp đá dăm cấp phối dày 10cm, cách 5m bố trí một khe co dãn.

- Đỉnh kè tại cao trình +9,00m: Rộng 4,0m (bao gồm dầm đỉnh kè rộng 0,3m), phần còn lại rộng 3,7m gia cố bằng lớp bê tông M200 dày 18cm đổ tại chỗ trên lớp cấp phối đá dăm lớp trên dày 10cm, cách 5m bố trí một khe co dãn;

5.3.2. Nạo vét và gia cố kênh đoạn từ cống Báo Đáp - Kênh Cầu:

a) Quy mô, thông số thiết kế:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài gia cố bờ trái	m	1.553
2	Chiều dài gia cố bờ phải	m	1.576
3	Mái kênh		1,5
4	Cao trình đỉnh kênh	m	+3,50
5	Cao trình đáy kênh (chân kè)	m	-1,29

b) Giải pháp thiết kế:

Gia cố bờ kênh đoạn cống Báo Đáp – Kênh Cầu tại các vị trí:

- Kè bờ trái: Từ K7+541 - K9+347 chiều dài 1.553 m.

- Kè bờ phải: Từ K7+397 – K8+973 chiều dài 1.576 m.

Gia cố mái kênh từ đỉnh bờ kênh tại cao trình +3,50m xuống đáy kênh nạo vét -1,29m, mái kênh $m = 1,5$ bằng tấm BTCT đúc sẵn M200 kích thước tấm (50x50x14)cm, dưới các tấm lát là lớp dầm lót đá 1x2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Các tấm lát đặt trong các ô tạo bởi các khung BTCT M200,

khung chia ô mỗi phân đoạn dài 10m. Gia cố nền dưới đầm chân kè bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

5.3.3. Nạo vét kênh Kim Sơn

a) Quy mô, thông số thiết kế:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài nạo vét kênh	m	6.000
2	Chiều rộng nạo vét (Bđáy)	m	40
3	Mái kênh		1,5

b) Giải pháp thiết kế :

Nạo vét cục bộ khơi thông dòng chảy kênh Kim Sơn đoạn từ cầu Lục Điền đến cầu Thuần Xuyên chiều dài 6km để bảo đảm cao độ đáy từ cao trình - 1,98m đến cao trình - 2,28m và độ rộng đáy thiết kế B= 40,0m, hệ số mái m = 1,5.

5.3.4. Kênh và cống Đồng Than:

a) Quy mô, thông số thiết kế:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Cống Đồng Than		
1.1	Số cửa cống	Cửa	1
1.2	Khẩu độ cống BxHxL	m	4,2x4,7x7,5
1.3	Cao độ mặt cống	m	+4,62
1.4	Cao độ đáy cống thiết kế	m	-0,55
1.5	Chiều dài thân cống (tính đến hết bề tiêu năng)	m	26,95
1.6	Bề rộng mặt cống kết hợp đường giao thông	m	7,5
2	Kè mái kênh		
2.1	Chiều dài kè bờ tả	m	590
2.2	Chiều dài kè bờ hữu	m	664
2.3	Mái kênh		1,5
2.4	Cao trình đỉnh kênh	m	3.77
3	Nạo vét cục bộ tuyến kênh		
3.1	Chiều rộng đáy kênh	m	4,5÷7,0
3.2	Chiều dài nạo vét	m	837,4
3.3	Mái kênh		1,50

b) Giải pháp thiết kế :

- Vị trí xây dựng: Xây dựng mới cống Đồng Than tại vị trí tại cọc DT5+6,5m (cách vị trí cống cũ 500m về phía UBND xã Đồng Than).

- Kết cấu cống hộp BTCT M250; xử lý nền bằng cọc BTCT M300. Bố trí bề tiêu năng thượng hạ lưu cống bằng BTCT M250, chiều dài mỗi bể 10,0m, xử lý nền bề tiêu năng bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; điều tiết bằng cánh van thép sử dụng máy đóng mở bằng vít nâng 2VĐ10, vận hành bằng điện; đường giao thông trên đỉnh cống rộng B=5,5m, kết cấu bê tông M250, cao trình đỉnh tại tim đường (+4,62)m.

- Nạo vét và Gia cố kênh dẫn: Nạo vét cục bộ tuyến kênh đảm bảo chiều rộng đáy kênh từ 4,5m ÷ 7,0m, cao trình đáy kênh từ -0,5m đến -0,585m, hệ số mái kênh m=1,5, độ dốc dọc đáy kênh $i=1 \cdot 10^{-4}$; kè bờ tả tuyến kênh (phía đồng) từ cọc DT0+90 đến cọc DT7+90 dài 700m, kè bờ hữu (phía đường giao thông) từ cọc DT0+90 đến cuối tuyến (cọc DT8+60) dài 775m sử dụng tấm BTCT đúc sẵn M200 kích thước tấm (50x50x10)cm, dưới các tấm lát là lớp dăm lót đá 1x2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Các tấm lát đặt trong các ô tạo bởi các khung BTCT M200. Gia cố nền dưới dầm chân mái kênh bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

- Đường điện hạ thế: Dài 61m, sử dụng dây dẫn CU/XLPE/PVC3x25+1x16.

5.3.5. Kênh Dâu – Đình Dù:

a) Quy mô, thông số thiết kế:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
I	Nạo vét kênh đoạn từ Ngã 3 Tăng Bảo đến TB Như Quỳnh		
1	Chiều dài nạo vét	m	2.314
2	Chiều rộng đáy kênh (Bk)	m	13
3	Mái kênh		1,5
II	Kè gia cố mái kênh		
1	Chiều dài kè	m	2.314
2	Mái kênh		1,5

b) Giải pháp thiết kế:

* Nạo vét cục bộ tuyến kênh với mặt cắt hình thang từ K0 đến cọc C25 dài 2.314m đảm bảo chiều rộng đáy kênh B = 13m, hệ số mái kênh m=1,5, cao trình đáy kênh nạo vét từ - 1,05m đến - 0,954m, độ dốc dọc đáy kênh $i=4 \cdot 10^{-5}$.

* Kè gia cố bờ kênh giáp khu dân cư từ sông Kim Sơn đến trạm bơm Như Quỳnh dài 2.314m. Kết cấu bằng tấm BTCT M200 đúc sẵn (KT 50x50x10cm), phía dưới là lớp đá dăm lót dày 10cm, dưới lớp dăm lót là lớp vải địa kỹ thuật và được cố định trong hệ khung dầm BTCT M200. Gia cố nền dưới dầm chân mái kênh bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Viện Kỹ thuật tài nguyên nước - Viện Thủy điện và năng lượng tái tạo.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích bồi thường GPMB:

7.1. Địa điểm xây dựng: Tỉnh Hưng Yên.

7.2. Bồi thường GPMB:

- Các hạng mục được xây dựng trên vị trí công trình cũ, trong phạm vi hành lang công trình thủy lợi nên không phải bồi thường GPMB.

- Diện tích đất sử dụng tạm thời phục vụ thi công: 0,43ha.

8. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

9. Loại, cấp công trình chính

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình: Công trình cấp II - III.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.

- Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

12. Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá tháng 11 năm 2022 của tỉnh Hưng Yên là: 345.800.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi lăm tỷ, tám trăm triệu đồng)*.

Trong đó:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
1	Chi phí xây dựng	258.252.919.000
2	Chi phí thiết bị	256.665.000
3	Chi phí quản lý dự án	4.217.260.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	28.094.963.000
5	Chi phí khác	3.069.818.000
6	Chi phí dự phòng	51.908.375.000
	Tổng cộng	345.800.000.000

(Chi tiết xem tại Phụ lục II kèm theo)

13. Thời gian thực hiện dự án: 4 năm kể từ năm khởi công.

14. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

- Kế hoạch bố trí vốn cho toàn dự án:

+ Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 3,5 tỷ đồng giai đoạn 2016-2020, còn lại bố trí trong giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

15. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

16. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC

a) Rà soát, bổ sung khảo sát kỹ địa hình, địa chất, tính toán ổn định, kết cấu từng hạng mục để lựa chọn được quy mô, giải pháp tối ưu, lưu ý cụ thể:

- Gia cố bờ hữu cửa ngoài cống Xuân Quan: Đánh giá kỹ địa chất để xác định chiều dài cừ dự ứng lực cho phù hợp, tránh lãng phí; tính toán kỹ cân bằng đào đắp đất nhằm tận dụng đất đào để đắp cho bờ kênh, điều tra kỹ vị trí đồ đất thừa gần nhất để giảm kinh phí đầu tư.

- Kè bờ kênh đoạn cống Báo Đáp - Kênh Cầu, kênh Dầu - Đình Dù: Sử dụng tối đa các loại kết cấu đúc sẵn (kênh, dầm...), tính toán đầy đủ biện pháp thi công kênh cho phù hợp với thời gian cắt nước và khi mực nước; đánh giá kỹ địa chất các tuyến kênh xem có cần thiết gia cố nền móng dầm chân bằng cọc tre; tính toán kỹ cân bằng đất nhằm tận dụng đất đào để đắp bờ kênh; xem xét tận dụng các bể lắng bùn đã có tại đoạn kênh Xuân Quan – Báo Đáp để giảm kinh phí vận chuyển đất bùn của đoạn kênh Báo Đáp - Kênh Cầu; nghiên cứu giải pháp thi công dầm chân và dầm mái dưới nước sử dụng cấu kiện BTCT đúc sẵn.

- Nạo vét kênh Kim Sơn: Chỉ nạo vét cục bộ những vị trí không đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Kênh và cống Đồng Than: Đánh giá kỹ địa chất tại vị trí đặt cống để đưa ra biện pháp xử lý nền cho phù hợp và đảm bảo an toàn; xem xét việc thiết kế kiến trúc, mỹ thuật cho dàn van, cánh cống; xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết cho việc thi công lắp đặt cửa van, kiểm tra đánh giá vận hành an toàn cửa van sau khi lắp đặt.

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế sau thiết kế cơ sở; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xây dựng, phê duyệt phương án đảm bảo an toàn công trình trong quá trình thi công. Lập tiến độ, biện pháp tổ chức thi công chi tiết, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công, lựa chọn biện pháp và thiết bị thi công phù hợp đảm bảo an toàn, ổn định cho các hạng mục công trình.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

- Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải làm Chủ đầu tư các hạng mục xây dựng thuộc dự án thành phần số 1 và tổ chức thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án; tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Hải Dương;
- Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL
Bắc Hưng Hải;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL. (20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp